

 áo sơ mi	 áo phông	T-shirt Anh ấy mặc chiếc áo phông yêu thích của mình. He wears his favourite T-shirt. Lesson 102 · Clothing Items	shirt Bạn thường mua áo sơ mi ở đâu? Where do you buy your shirts? Lesson 102 · Clothing Items
 quần	 quần bò	jeans Quần bò xanh vẫn còn phổ biến. Blue jeans are still popular. Lesson 102 · Clothing Items	trousers Bạn sẽ chọn chiếc quần nào? Which trousers would you choose? Lesson 102 · Clothing Items
 váy	 váy	skirt Bạn có nghĩ cái váy này ngắn không? Do you think this skirt is short? Lesson 102 · Clothing Items	dress Cô ấy mặc một chiếc váy xinh xắn. She wears a pretty dress. Lesson 102 · Clothing Items
 giày	 ủng	boots Họ thường xuyên đi ủng. They wear their boots often. Lesson 102 · Clothing Items	shoes Anh ấy lúc nào cũng có giày mới. He always has new shoes. Lesson 102 · Clothing Items

 tất	 áo khoác	coat Chiếc áo khoác của bạn rất thanh lịch. Your coat is very elegant. Lesson 102 · Clothing Items	socks Tất ấm rất quan trọng. Warm socks are important. Lesson 102 · Clothing Items
 áo khoác	 mũ	hat Bạn mua cái mũ đó khi nào? When did you buy that hat? Lesson 102 · Clothing Items	jacket Bạn mặc một chiếc áo khoác màu xanh. You wear a blue jacket. Lesson 102 · Clothing Items
 áo len	 áo ni có mũ	hoodie Cậu bé mặc một chiếc áo ni có mũ ấm áp. The boy wears a warm hoodie. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...	sweater Tôi cần một chiếc áo len ấm. I need a warm sweater. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...
 áo sơ mi nữ	 áo ghi-lê	vest Người đàn ông mặc một chiếc áo ghi-lê màu đen. The man wears a black vest. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...	blouse Người phụ nữ mặc một chiếc áo sơ mi trắng. The woman wears a white blouse. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...

Clothes in Vietnamese

Print single-sided, fold on the dotted centre line, cut on the grey lines

		cardigan Cô ấy mặc một chiếc áo khoác len ấm áp. She wears a warm cardigan. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...	tank top Người đàn ông đó mặc áo ba lỗ. The man wears a tank top. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...
		tracksuit Cô ấy mặc bộ đồ thể thao để tập thể dục. She wears a tracksuit for exercise. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...	sweatshirt Cô ấy vừa mua một chiếc áo nỉ mới. She bought a new sweatshirt. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...
		pajamas Cô ấy mặc đồ ngủ khi đi ngủ. She sleeps in her pajamas. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...	robe Người đàn ông mặc một chiếc áo choàng dài. The man wears a long robe. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...
		uniform Các học sinh mặc đồng phục. The students wear a uniform. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...	costume Người vũ công mặc một bộ trang phục đầy màu sắc. The dancer wears a colorful costume. Lesson 103 · Clothes — Tops, Sweaters & Out...

 giày thể thao	 dép xăng đan	sandals Cô ấy vừa mua đôi dép xăng đan mới. She bought new sandals. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special We...	sneakers Tôi đi giày thể thao để chơi thể thao. I wear sneakers for sports. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special We...
 dép đi trong nhà	 đồ bơi	swimwear Cô ấy đã xếp đồ bơi vào hành lý. She packed her swimwear. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special W...	slippers Tôi đi dép đi trong nhà ở nhà. I wear slippers at home. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special We...
 mũ bảo hiểm	 mũ lưỡi trai	baseball cap Anh ấy đội một chiếc mũ lưỡi trai màu xanh. He wears a blue baseball cap. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special W...	helmet Anh ấy đội mũ bảo hiểm để bảo vệ bản thân. He wears a helmet for protection. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special We...
 vương miện	 kính	eyeglasses Anh ấy đã làm vỡ kính của mình. He broke his eyeglasses. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special W...	crown Nhà vua đội một chiếc vương miện bằng vàng. The king wears a gold crown. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special We...

 túi	 tay áo	sleeve Tay áo của tôi bị ướt sũng. My sleeve is very wet. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special W...	pocket Tôi có tiền trong túi. I have money in my pocket. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special We...
 cúc	 khóa kéo	zipper Cái túi của tôi bị hỏng khóa kéo. My bag has a broken zipper. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special W...	button Tôi bị rơi mất một cái cúc. I lost a button. Lesson 104 · Clothes — Footwear & Special We...
 kích cỡ	 vừa	fits Cô ấy vẫn mặc vừa chiếc quần bò cũ của mình. She still fits her old jeans. Lesson 56 · Clothing & Sizes	size Kích cỡ này quá nhỏ. This size is too small. Lesson 56 · Clothing & Sizes
 quá rộng	 quá nhỏ	too small Tiếc là chiếc giày này quá nhỏ. Unfortunately, this shoe is too small. Lesson 56 · Clothing & Sizes	too big Tôi nghĩ cái áo này quá rộng. I think this shirt is too big. Lesson 56 · Clothing & Sizes

 thử			try on Chúng tôi thử những chiếc mũ mới. We try on new hats. Lesson 56 - Clothing & Sizes